TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 520/2019/DS-PT
Ngày 24 - 10 - 2019
V/v: Hủy hợp đồng tặng cho tài sản, hủy giấy chứng nhận, tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, thừa kế tài sản, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công;

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu Trang -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 327/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc "Hủy hợp đồng tặng cho tài sản, hủy giấy chứng nhận, tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, thừa kế tài sản, chia tài sản chung"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1647/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2388/2019/QĐXX-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Lê Thanh Th, sinh năm 1977; cư trú tại: 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1974; cư trú tại: 183 N, Phường 11, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 17/11/2012). (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1958; cư trú tại: 60/9 Ng, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Đoàn Trọng H; địa chỉ: 40/44 Tr, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2019)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trần Lê Thanh T, sinh năm 1981 (có mặt)

2/ Bà Lưu Uyển B, sinh năm 1979

Người đại diện hợp pháp của bà Bình: Ông Trần Lê Thanh T. (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/5/2018).

3/ Em Trần Gia K, sinh năm 2012

4/ Em Trần Gia Nh, sinh năm 2007

Người đại diện theo pháp luật của em Kiệt, em Nhi: Ông Trần Lê Thanh T.

5/ Ông Lư Kiến T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

6/ Ông Lư Kiến Th, sinh năm 2000 (vắng mặt)

7/ Bà Lư Di L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng trú tại: 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1941 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Cư trú: 120 Green Dr, Marry Esther, Florida 32569, USA

9/ Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1948(vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Cư trú: 516 Cedar St, Dayton, OHIO 45449, USA.

10/ Bà Trần Thị Á, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ và Việt Nam

Cư trú: 11202 Anablel Ave, Garden Grove, California 92843, USA

11/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ và Việt Nam

Cư trú: 11122 Holworth, Houston Texas 77072, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Á và bà Trần Thị H: Bà Lư Di L, sinh năm 1995; cư trú tại: 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/7/2014 đã được Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Hiu-xtơn, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận số 550.2/HPH/2014 ngày 04/8/2014 và được thụ ủy ngày 15/8/2014 tại Văn phòng công chứng Gia Định)

12/ Bà Trần Thị X, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ và Việt Nam

Cư trú: 12807 Susanna Ln, Houston Texas 77072, USA

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H: Bà Lư Di L, sinh năm 1995; cư trú tại: 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21/10/2014 đã được Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Hiu-xtơn, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận số 844.1/HPH/2014 ngày 07/11/2014 và được thụ ủy ngày 24/11/2014 tại Văn phòng công chứng Gia Định)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Trần Lê Thanh Th và và bà Lư Di L: Luật sư Nguyễn Đức T – Công ty Luật TNHH MTV Vimax Châu Á thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt)

13/ Bà Lư Tố Nh; cư trú tại: 69/21 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

14/ Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc H – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh N – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 5. (Theo Giấy ủy quyền số 15/UQ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND Quận 5). (vắng mặt)

15/ Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh 20/10; Trụ sở: 221 Kh, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị C – Giám đốc. (có mặt)

16/ Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở: 97 Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Trí H – Trưởng phòng (vắng mặt)

17/ Công ty TNHH MTV D; Trụ sở: 115-117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Lê Thanh Th, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

18/ Công ty TNHH Cửu Long Quốc tế Â; Trụ sở: 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Sum Nguyệt Qu, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

19/ Em Phạm Bảo Quang M, sinh năm 2017; Trú tại: 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2012, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/7/2013, ngày 02/11/2015, tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Bà Trần Lê Thanh Th trình bày:

Ông bà nội của Bà Trần Lê Thanh Th là ông Trần Văn Đ (đã chết ngày 21/01/1989) và bà Nguyễn Thị H (đã chết ngày 22/12/1993). Ông Đ, bà H có 06 người con là: Trần Văn Ng, Trần Thị Á, Trần Thị Ng, Trần Thị H, Trần Văn Th, Trần Thị X. Ông Trần Văn Th đã chết ngày 27/7/2009, có vợ là Bà Nguyễn Thị Cẩm H và hai con là Trần Lê Thanh Th, Trần Lê Thanh T.

Lúc còn sống, Ông Đ, bà H tạo lập được tài sản là nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5. Ông Đ, bà H chết không để lại di chúc nên nhà đất trên là di sản thừa kế của 06 người con của Ông Đ, bà H.

Tuy nhiên, vào ngày 03/4/2008 cha bà Th là ông Th đã hành động cá nhân đồng thời đại diện cho 04 anh chị em là Trần Văn Ngh, Trần Thị Á, Trần Thị Ng, Trần Thị H lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với căn nhà trên. Đến ngày 28/8/2008 UBND Quận 5 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797742731303039, hồ sơ gốc số 2967/2008/UB.GCN đối với căn nhà số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 với diện tích đất 289 m^2 cho ông Th, ông Ngh, bà Ánh, bà Nga, bà Trần Thị H (ông Ngh, bà Ánh, bà Nga, bà Trần Thị H là người Việt Nam định cư ở nước ngoài chỉ được hưởng giá trị nhà ở - đất ở).

Ngày 21/11/2008 ông Th tiếp tục hành động cá nhân đồng thời đại diện cho 04 anh chị em là ông Ngh, bà Á, bà Ng, bà Trần Thị H tặng phần còn lại trong ngôi nhà 115 Ng với diện tích đất 176,5 m^2 cho Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Bà Trần Lê Thanh Th, Ông Trần Lê Thanh T tại Hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận. Ngày 23/01/2009 UBND Quận 5 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797742731300225, hồ sơ gốc số 124/2009/UB.GCN đối với căn nhà số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 với diện tích đất 176,5 m^2 cho bà Cẩm H, bà Th, ông T.

Mục đích của ông Th khi tặng cho căn nhà số 115 cho bà Th, bà Cẩm H, ông T là để cho cả ba có trách nhiệm giữ gìn căn nhà làm nơi thờ cúng ông bà. Do đó, trước khi lập Hợp đồng tặng cho ngày 21/11/2008, ông Th cùng bà Th, bà Cẩm H, ông T đã ký vào bản thỏa thuận với nội dung "căn nhà là nhà có nguồn gốc thừa kế của dòng họ, được dùng làm nhà thờ cúng tổ tiên, không ai có quyền yêu cầu chia tài sản", bản thỏa thuận này bà Cẩm H đang giữ bản chính. Để xác định rõ việc căn nhà chỉ dùng để thờ cúng, bà Cẩm H đã lập di chúc để lại phần tài sản bà Cẩm H được hưởng cho hai con bà Th, bà Cẩm H cam kết đây là di chúc cuối cùng. Sau khi ông Th chết, vào ngày 16/8/2010, bà Th, bà Cẩm H, ông T tiếp tục ký tên tái xác nhận vào Giấy thỏa thuận và cam kết với nội dung "cả ba người chỉ là người đứng tên dùm thông qua thủ tục là hợp đồng tặng cho và chỉ thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của dòng họ, không ai có quyền yêu cầu chia tài sản chung".

Tuy nhiên sau đó bà Cẩm H có vay nợ với số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng nên bà Cẩm H yêu cầu thi hành án chia căn nhà số 115 Ng cho bà Cẩm H được hưởng 1/3 tài sản.

Do đó, vào ngày 15/5/2012, nguyên đơn Bà Trần Lê Thanh Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa bà Th, bà Cẩm H, ông T là nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và chia tài sản thừa kế là chiếc xe ôtô mang biển số: 52F – 8411 do ông Trần Văn Th để lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th nhận thấy quá trình khai nhận di sản thừa kế cũng như cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất số 115 Ng, cha bà là ông Th đã bỏ sót bà Trần Thị X là đồng thừa kế hợp pháp đối với căn nhà trên. Bà Th không biết lý do tại sao có sự bỏ sót này, bà Th khẳng định bà X là con ruột của Ông Đ, bà H và là em của ông Th. Vì vậy vào ngày 04/7/2013, bà Th có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu: Hủy hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008 và hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho bà Th, bà Cẩm H, ông T. Ngày 02/11/2015 nguyên đơn bà Th tiếp tục có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cho bà được hưởng phần thừa kế của cha bà là ông Th trong căn nhà số 115 Ng, phần bà được hưởng là 1/3 của 1/6 giá trị căn nhà.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

1/ Hủy Hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008;

2/ Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T đối với căn nhà số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất tại số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 là tài sản chung của các đồng thừa kế của Ông Đ, bà H bao gồm ông Trần Văn Th, ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ng và bà Trần Thị X.

4/ Bà Th xin rút lại yêu cầu được hưởng phần thừa kế của cha bà là ông Trần Văn Th tại nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà sẽ được giữ làm nơi thờ cúng theo đúng Giấy thỏa thuận và cam kết ngày 16/8/2010 được lập giữa bà Th, bà Cẩm H, ông T.

Trong trường hợp Tòa án phân chia nhà đất 115 Ng thì bà Th có nguyện vọng được nhận tài sản vì hiện nay gia đình bà Th đang ở ổn định tại căn nhà trên. Bà Th sẽ trả cho các đồng thừa kế khác phần giá trị tài sản mà họ được hưởng theo quyết định của Tòa án, sau khi bà Th đã giao đủ tiền thì gia đình ông T gồm ông T, bà Lưu Uyển B cùng hai con là Trần Gia K, Trần Gia Nh phải có trách nhiệm dọn các đồ đạc cá nhân và giao trả nhà lại cho bà. Bà Th đề nghị Tòa án cho thời hạn 06 tháng để bà cùng các bên thực hiện việc giao nhận tiền và giao nhận nhà.

5/ Bà Th rút lại yêu cầu chia tài sản là chiếc xe biển số 52F-8411.

- Phía nguyên đơn không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc bà H yêu cầu được hưởng 1/3 giá trị nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 cụ thể là 10.706.000.000 (Mười tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu) đồng. Đối với các yêu cầu phản tố khác của bà H, do bà H xác định đã rút hết toàn bộ nên nguyên đơn không ý kiến.

- Bà Th đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H và bà Trần Thị X do bà Lư Di L là người đại diện theo ủy quyền.

- Bà Th thống nhất với Biên bản định giá ngày 17/8/2012 của Tòa án nhân dân Quận 5 đối với nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 với giá trị 32.118.928.580 (Ba mươi hai tỷ một trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm tám mươi) đồng.

- Đối với các chi phí mà nguyên đơn đã bỏ ra trong quá trình giải quyết vụ án như lệ phí ủy thác tư pháp…, phía nguyên đơn tự nguyện chịu. Do bà H đã rút đơn yêu cầu phản tố đối với nhà đất số 117 Ng nên bà Th đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và trả lại cho bà Th bản chính Sổ tiết kiệm ngày 28/7/2014 với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng mà bà Th đã nộp cho Tòa án.

- Căn nhà số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không cho ai thuê, những người hiện đang cư trú thực tế trong nhà bao gồm: Bà Trần Lê Thanh Th, Ông Trần Lê Thanh T, bà Lư Di L, Lư Kiến T, ông Lư Kiến Th, bà Lưu Uyển B, em Trần Gia Nh, em Trần Gia K, em Phạm Bảo Quang M theo đúng như xác minh của Công an Phường 2, Quận 5 gửi cho Tòa án.

Theo đơn phản tố ngày 10/8/2012, đơn bổ sung yêu cầu phản tố ngày 28/5/2014, 19/8/2014, 13/10/2014, tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Yến Tuyết cùng trình bày:

Ông Trần Văn Đ (chết năm 1989) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 1993) đã để lại một số di sản sau khi qua đời gồm: Hai căn nhà số 115 và 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Đ và bà H gồm: ông Trần Văn Th, ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H và bà Trần Thị Ng.

Ông Trần Văn Đ chết vào năm 1989, không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị H đã đại diện các đồng thừa kế hàng thứ nhất bao gồm: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị H và ông Trần Văn Th kê khai di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ theo pháp luật đối với căn nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5.

Khi bà Nguyễn Thị H chết năm 1993 không để lại di chúc, ông Th đã đại diện cho các đồng thừa kế đứng ra kê khai di sản thừa kế theo pháp luật. Việc kê khai cụ thể như sau:

+ Căn nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5: những người hưởng di sản gồm ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị H và ông Trần

Văn Th. Đối với căn nhà này, do bà Nguyễn Thị H không thừa nhận bà Trần Thị X là con Ông Đ và bà H nên không có tên trong việc khai nhận di sản. Trên thực tế bà X vẫn chưa cung cấp được bất kỳ giấy tờ nào về nhân thân để chứng minh bà X là con của Ông Đ và bà H. Sau khi làm thủ tục cập nhật đăng bộ, Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2967/2008/UB.GCN ngày 28/8/2008 cho ông Trần Văn Th đại diện cho các đồng sở hữu là ông Th, ông Ngh, bà Nga, bà Ánh, bà Trần Thị H.

+ Căn nhà 117 Ng, Phường 2, Quận 5, những người hưởng di sản gồm ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị H, ông Trần Văn Th và bà Trần Thị X. Đến năm 2003, ông Th đã nhờ dịch vụ nhà đất thực hiện kê khai vào Tờ khai lệ phí trước bạ tại Phòng thuế trước bạ và xin cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích 56,6m^2, trên Giấy chứng nhận có ghi ông Trần Văn Th là đại diện thừa kế.

Các đồng thừa kế của Ông Đ và bà H đã ủy quyền cho ông Th thay mặt mình kê khai di sản thừa kế và được quyền định đoạt (quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp, tặng cho, chuyển nhượng) phần di sản mình được nhận. Dựa vào ủy quyền này, ông Th đã thực hiện quyền định đoạt như sau:

- Đối với căn nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 21/11/2008, ông Th đã liên hệ Phòng công chứng số 1 làm thủ tục tặng cho 176,5m^2 của nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 cho Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Ông Trần Lê Thanh T và Bà Trần Lê Thanh Th (hợp đồng tặng cho số 039311 ngày 21/11/2008), phần còn lại của căn nhà là 112,5m^2 ông Th tặng cho riêng Bà Trần Lê Thanh Th theo hợp đồng tặng cho số 039312 ngày 21/11/2008.

- Đối với căn nhà số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 22/11/2007, ông Th lập hợp đồng tặng cho số 042247 ngày 22/11/2007 tại Phòng công chứng số 1 cho riêng Bà Trần Lê Thanh Th, diện tích 56,6 m^2 (phần trước căn nhà 117) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở số 3721 do Sở Địa chính nhà đất cấp, mặc dù việc khai nhận di sản chưa được cập nhật đăng ký sở hữu.

Sau đó bà Th tiến hành xin hợp thức hóa 56,6 m^2 của căn nhà số 117 Ng, Phường 2, Quận 5 và 112,5m^2 của căn 115 Ng, Phường 2, Quận 5 được tặng cho để tạo thành căn nhà 117 Ng, Phường 2, Quận 5 như hiện nay. Tuy nhiên hợp đồng tặng cho nhà đất số 117 Ng, Phường 2, Quận 5 thì ông Th đại diện cho ông Ngh, bà Nga, bà X, bà H, khai thiếu tên bà Á.

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2012 của Bà Trần Lê Thanh Th, ngày 10/8/2012 bà H có đơn yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng từ thu nhập cho thuê xe ôtô mang biển số: 52F – 8411, 69.921.659 đồng tiền bị đơn ứng ra để trả nợ Ngân hàng, chia tài sản thừa kế là xe ôtô mang biển số: 52F – 8411 và bà Cẩm H yêu cầu được sở hữu 1/3 giá trị tài sản của nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tặng cho số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008.

Do ngày 04/7/2013 nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nên bà H có đơn yêu cầu phản tố bổ sung ngày 28/5/2014, yêu cầu: Hủy hợp đồng tặng cho nhà số 039312 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008 mà ông Th đã tặng cho bà Th một phần căn nhà số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 19/8/2014 bà có đơn yêu cầu phản tố bổ sung, yêu cầu: Hủy hợp đồng tặng cho nhà số 042247 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 22/11/2007 và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 117/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 đối với căn nhà số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (phần trước căn nhà hiện tại) với lý do: ông Trần Văn Th đã bỏ sót một đồng thừa kế là bà Trần Thị Á, hiện cư trú tại Hoa Kỳ.

Ngày 13/10/2014, bà H tiếp tục có đơn yêu cầu phản tố bổ sung: trong trường hợp có căn cứ để hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử đất ở tại số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Trần Lê Thanh Th và hủy hợp đồng tặng cho căn nhà trên cho bà Th để chia thừa kế thì bà yêu cầu được hưởng phần thừa kế mà ông Th được hưởng đối với căn nhà 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, tạm tính giá trị bà được hưởng là 5.000.000.000 đồng.

Ngày 26/02/2016 và tại các biên bản hòa giải, Bà Nguyễn Thị Cẩm H có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu phản tố, cụ thể: rút yêu cầu chia tài sản thừa kế là chiếc xe ô tô mang biển số: 52F – 8411 và chia tài sản đối với nhà đất số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, rút yêu cầu buộc bà Th phải trả số tiền 80.000.000 đồng thu nhập từ việc cho thuê xe ôtô và 69.921.659 đồng tiền bà H đã ứng ra để trả nợ vay Ngân hàng khi mua chiếc xe nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xác định lại cụ thể yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 theo hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T. Bà Cẩm H sẽ được hưởng 1/3 giá trị nhà đất, cụ thể là 10.706.000.000 (Mười tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu) đồng.

- Tất cả các yêu cầu phản tố còn lại, bà Cẩm H xác định xin rút lại hết toàn bộ.

Bà Cẩm H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, bà Cẩm H xác định ông Th đã tặng cho hợp lệ căn nhà 115 Ng cho bà cùng bà Th, ông T. Bà Cẩm H không giữ bản chính của Giấy thỏa thuận ngày 07/11/2008 như nguyên đơn trình bày. Đối với giấy thỏa thuận ngày 16/8/2010, bà H xác định chữ ký trong giấy thỏa thuận là của bà, tuy nhiên tại thời điểm đó, do muốn giữ hòa khí trong gia đình nên khi bà Th đưa bất cứ giấy tờ gì và có yêu cầu thì bà H đều

ký tên vào. Giấy thỏa thuận không có chứng nhận của một cơ quan nhà nước nào nên không có giá trị pháp lý.

Bà thống nhất với Biên bản định giá ngày 17/8/2012 của Tòa án nhân dân Quận 5 đối với nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 32.118.928.580 (Ba mươi hai tỷ một trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm tám mươi) đồng. Bà H xác nhận bà không có đóng góp hay bỏ ra chi phí để sửa chữa, xây dựng gì đối với nhà đất số 115 Ng.

- Đối với các chi phí mà bị đơn đã bỏ ra trong quá trình giải quyết vụ án như chi phí định giá…, phía bị đơn tự nguyện chịu. Do bà Cẩm H đã rút đơn yêu cầu phản tố đối với căn nhà 117 Ng nên bà H đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và giải tỏa tài khoản của bà H với số tiền 100.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16/9/2015, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Lư Di L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H và bà Trần Thị X; là người đại diện theo pháp luật của trẻ Phạm Bảo Quang M cùng với Luật sư Huỳnh Minh V, Luật sư Nguyễn Đức T trình bày:

Lúc còn sống, cha mẹ bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H và bà Trần Thị X là ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H có tạo lập được hai căn nhà số 115 và 117 Ng, Phường 2, Quận 5. Ông Đ và bà H chết không để lại di chúc, Ông Đ và bà H có 06 người con là ông Trần Văn Th, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng và ông Trần Văn Ng. Bà X là con của Ông Đ, bà H được thể hiện tại Tờ khai gia đình, tờ khai lệ phí trước bạ đối với căn nhà số 117 Ng.

Bà Ánh, ông Ngh, bà X, bà Trần Thị H và bà Ng đều đã định cư tại Hoa Kỳ nên cùng ủy quyền cho ông Th được quyền kê khai di sản thừa kế và sau đó được quyền bán, chuyển nhượng, tặng cho vì họ là người Việt Nam định cư tại nước ngoài nên không được đứng tên chủ sở hữu bất động sản. Sau khi kê khai di sản xong, ông Th và các đồng thừa kế có thỏa thuận là sẽ để hai căn nhà trên làm nhà thờ tự tổ tiên, sau này con cháu đều có quyền cư ngụ trong hai căn nhà này. Nếu bán, chuyển nhượng thì phải chia đều cho các đồng thừa kế. Vì thế ông Th tự nguyện lập Giấy cam kết vào ngày 7/3/2007 với nội dung khi nào bán hai căn nhà trên thì chia đều cho 06 đồng thừa kế, mỗi người hưởng phần bằng nhau. Như vậy, việc ủy quyền cho ông Th được toàn quyền định đoạt các tài sản thừa kế trên là có điều kiện và các đồng thừa kế có lập văn bản thỏa thuận và cam kết không ngày tháng để khẳng định điều kiện trên.

Căn cứ vào Giấy cam kết ngày 7/3/2007, sau khi ông Th hoàn tất thủ tục kê khai di sản thừa kế đối với nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2967/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho ông Trần Văn Th ngày 28/8/2008. Ông Th lập Giấy thỏa thuận ngày 07/11/2008 sẽ tặng cho một phần nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5 cho 03 người là Bà Trần Lê Thanh Th, Ông Trần Lê Thanh T và Bà

Nguyễn Thị Cẩm H với yêu cầu là 03 người chỉ được đứng tên dùm và bắt buộc bà Cẩm H phải lập di chúc cuối cùng không được hủy sửa và cũng không được lập di chúc để tài sản trên cho bất kỳ người nào khác ngoài hai đứa cháu ngoại là Lư Kiến T, sinh năm 1998 và Lư Kiến Th, sinh năm 2000.

Sau khi nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 được Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 cho bà Th, bà Cẩm H và ông T, ngày 20/02/2009 bà Cẩm H lập di chúc để lại phần tài sản bà H được hưởng cho hai người cháu ngoại nêu trên và khẳng định di chúc này là di chúc cuối cùng.

Ngày 16/8/2010 ba người đồng sở hữu khẳng định một lần nữa căn nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5 là nhà thờ của dòng họ, ba người chỉ đứng tên dùm theo Giấy thỏa thuận và cam kết ngày 18/6/2010 với nội dung: " Xác định căn nhà nêu trên vẫn là nhà có nguồn gốc thừa kế của dòng họ và được dùng làm nhà thờ cúng ông bà tổ tiên .Chúng tôi chỉ là những người đứng tên dùm thông qua thủ tục là Hợp đồng tặng cho tài sản và chúng tôi chỉ thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của dòng họ, chúng tôi cam kết không ai có quyền yêu cầu chia tài sản chung và cũng không được chia thừa kế nếu có bất kỳ đồng thừa kế nào qua đời…"

Nhưng sau khi ông Th chết, bà Cẩm H có vay nợ với số tiền 3.000.000.000 đồng theo Quyết định số 29/2012/QĐST-DS-HGT ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận 5 và Quyết định Thi hành án số 69/QĐ-CCTHA ngày 16/4/2012 của Cơ quan thi hành án Quận 5 nên bà H yêu cầu thi hành án chia căn nhà số 115 cho bà H được hưởng 1/3 tài sản. Vì vậy, ngày 16/9/2015 bà Lê đại diện cho các đồng thừa kế là bà Trần Thị H, bà Trần Thị Á và bà Trần Thị X có yêu cầu độc lập như sau:

1/ Hủy hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008 và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T đối với căn nhà số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do thiếu sót một đồng thừa kế là bà Trần Thị X, hiện cư trú tại Hoa Kỳ.

2/ Yêu cầu xác định quyền sở hữu nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Trần Văn Th, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng và ông Trần Văn Ng.

3/ Trong trường hợp Tòa án phân chia nhà đất số 115 Ng, bà đại diện cho bà Ánh, bà Trần Thị H và bà X đồng ý cho toàn bộ phần thừa kế được hưởng trong nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 cho Bà Trần Lê Thanh Th và Ông Trần Lê Thanh T được toàn quyền sở hữu.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bà Ánh, bà Trần Thị H, bà X xin thay đổi một phần yêu cầu độc lập, cụ thể bà Ánh, bà Trần Thị H, bà X chỉ đồng ý cho

toàn bộ phần thừa kế được hưởng trong nhà đất 115 Ng cho bà Th, không đồng ý cho ông T và đề nghị Tòa án công nhận trong bản án.

- Phía bà Ánh, bà Trần Thị H, bà X không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc bà Cẩm H yêu cầu được hưởng 1/3 giá trị căn nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các yêu cầu phản tố khác của bị đơn, do bị đơn xác định đã rút lại hết toàn bộ nên phía bà Ánh, bà Trần Thị H, bà X không ý kiến.

Thống nhất với Biên bản định giá ngày 17/8/2012 của Tòa án nhân dân Quận 5 đối với căn nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 32.118.928.580 (Ba mươi hai tỷ một trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm tám mươi) đồng.

Ông Trần Lê Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Uyển B, là người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Gia K, Trần Gia Nh trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Lê Thanh Th và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị X, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H về việc đề nghị Hủy hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008 và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T đối với căn nhà số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do: ông Th đã tặng cho hợp lệ căn nhà 115 Ng cho ông cùng bà Th, bà Cẩm H. Ông không thừa nhận bà X là em ruột của ông Th vì từ trước tới nay, ông chưa gặp mặt hoặc nghe nói đến bà X. Ông T xác nhận có ký vào Giấy thỏa thuận ngày 07/11/2008 và giấy thỏa thuận ngày 16/8/2010, tuy nhiên tại thời điểm đó, do muốn giữ hòa khí trong gia đình nên khi bà Th đưa bất cứ giấy tờ gì và có yêu cầu thì ông đều ký tên vào.

Ông đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn. Ông xác nhận ông và bà Bình không có đóng góp hay bỏ ra chi phí để sửa chữa, xây dựng gì đối với nhà đất số 115 Ng.

Ông thống nhất với Biên bản định giá ngày 17/8/2012 của Tòa án nhân dân Quận 5 đối với căn nhà 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 32.118.928.580 (Ba mươi hai tỷ một trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm tám mươi) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân Quận 5 có ông Lê Minh Nhựt đại diện hợp pháp: Ủy ban nhân dân Quận 5 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Đông Phương Thảo là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh 20/10 trình bày: Giữa Ngân hàng và Bà Trần Lê Thanh Th có liên quan đến Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 70/HĐTD-SCB-CN20/10.16 ngày

16/5/2016, bà Th có thế chấp tài sản thế chấp cho khoản vay là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay phía bị đơn đã rút yêu cầu phân chia tài sản đối với căn nhà số 117 nên Ngân hàng không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa các bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Phòng công chứng số 1, TP.HCM có ông Nguyễn Trí H là người đại diện theo pháp luật: Tại Công văn số 67/CC1 ngày 20/3/2017, ông Hòa xác định Phòng công chứng số 1 đã thực hiện chứng nhận hợp đồng tặng cho một phần nhà ở tọa lạc tại số 115 Ng, số công chứng 039311 ngày 21/11/2008 theo đúng quy định của pháp luật.

Phòng Công chứng số 1 xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1647/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 34, khoản 1, 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 207, Điều 208, khoản 2 Điều 468, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Lê Thanh Th và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, Trần Thị Á, Trần Thị X về việc:

- Hủy Hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008 giữa ông Trần Văn Th với Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T đối với nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định nhà đất tại số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 là tài sản chung của các đồng thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H bao gồm ông Trần Văn Th, ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ng và bà Trần Thị X. Do ông Th đã chết nên phần tài sản của ông Th thuộc sở hữu của những người thừa kế hợp pháp của ông Th là Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Bà Trần Lê Thanh Th, Ông Trần Lê Thanh T.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Cẩm Hồng về việc được phân chia 1/3 giá trị tài sản của nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc phân chia tài sản đối với nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản là nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được phân chia với tỷ lệ cụ thể như sau:

+ Ông Trần Văn Th, ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ng và bà Trần Thị X mỗi người được hưởng 1/6 giá trị tài sản;

+ Do ông Th đã chết nên phần ông Th được chia đều cho những người thừa kế hợp pháp của ông Th là Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Bà Trần Lê Thanh Th, Ông Trần Lê Thanh T. Cụ thể bà Cẩm H, bà Th, ông T mỗi người được hưởng 1/18 giá trị tài sản.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi, liên quan là bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H và bà Trần Thị X đồng ý cho Bà Trần Lê Thanh Th toàn bộ phần giá trị tài sản mà các bà được hưởng trong nhà đất trên.

Tổng cộng Bà Trần Lê Thanh Th được hưởng 5/9 giá trị tài sản.

4. Giao cho Bà Trần Lê Thanh Th được toàn quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất tại số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Th có trách nhiệm giao trả cho ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Ng mỗi người 1/6 giá trị nhà đất; giao trả cho Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Ông Trần Lê Thanh T mỗi người 1/18 giá trị nhà đất.

Sau khi bà Th đã giao đủ tiền cho những người có tên nêu trên thì Ông Trần Lê Thanh T, bà Lưu Uyển B cùng hai con là Trần Gia K, Trần Gia Nh phải có trách nhiệm di dời đồ đạc, dọn ra khỏi nhà để giao trả nhà cho bà Th.

Thời hạn để các bên thực hiện việc giao nhận tiền và trả nhà là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi thực hiện xong trách nhiệm giao trả tiền, bà Th được liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục được đứng tên sở hữu hoàn toàn căn nhà và đất tại số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sau thời hạn 06 (sáu) tháng, bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm trả tiền thì những người còn lại có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để được hưởng phần giá trị tài sản theo quyết định của Tòa án, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với các yêu cầu sau do phía nguyên đơn và bị đơn đã rút yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia tài sản là chiếc xe ôtô biển số 52F-8411;

- Các yêu cầu của bị đơn về việc: chia tài sản là chiếc xe ô tô mang biển số 52F – 8411; hủy hợp đồng mà bà Th cho thuê xe ôtô; chia tài sản là nhà đất tại số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh; Hủy hợp đồng tặng cho nhà số 042247 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 22/11/2007 và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 117/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp đối với căn nhà số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bà Th phải trả cho bà Cẩm H số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng là tiền thu nhập từ việc cho thuê xe ôtô và 69.921.659 (Sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng là tiền bà đã ứng ra để trả nợ vay Ngân hàng khi mua chiếc xe nêu trên.

6. Do Bà Nguyễn Thị Cẩm H đã rút yêu cầu phản tố về việc phân chia tài sản đối với nhà đất tại số 117 Ng, Phường 2, Quận 5 nên cần hủy bỏ Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 39/2014/QĐ-TĐBPKCTT ngày 29/7/2014 của TAND TP.HCM, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản của bà Cẩm H với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tại Ngân hàng TMCP phát triển TP.HCM - Chi nhánh Sài Gòn, số tài khoản 045704070015529. Đồng thời giải tỏa việc phong tỏa tài khoản của Bà Trần Lê Thanh Th với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, số tài khoản 670704040002219; trả lại cho bà Th một bản chính Sổ tiết kiệm không kỳ hạn số AK 10114801 ngày 28/07/2014, số tài khoản 670704040002219 đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án (Bút lục 867).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự, chi phí giám định, định giá, đo đạc và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/11/2018 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương Thi kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 19/11/2018 bị đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Trần Lê Thanh T kháng cáo yêu cầu được chia 1/3 giá trị căn nhà.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng tại phiên toà không xuất trình được chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của luật sư, đại diện Viện kiểm sát, đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về thẩm quyền, về thời hiệu, về việc uỷ thác tư pháp, về việc xét xử vắng mặt, hoà giải vắng mặt các đương sự đã được Toà án cấp sơ thẩm tiến hành theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc rút lại yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp pháp luật. Căn cứ vào khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân và thừa kế: Ông Trần Văn Đ (chết năm 1989) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 1993) là vợ chồng, có 6 người con bao gồm: Trần Văn Ng, Trần Thị Á, Trần Thị Ng, Trần Thị H, Trần Văn Th, Trần Thị X. Ông Trần Văn Th là một trong 6 người con của Ông Đ và bà H, bà Lê Thị Cẩm Hồng là vợ của ông Th, bà Trần Lê Thanh Th và Trần Lê Thanh T là con của ông Th và bà H.

Về nguồn gốc nhà và đất tranh chấp và diễn biến quá trình sử dụng: nhà và đất toạ lạc tại số 115, Ng, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh do Ông Đ và bà H được UBND Quận 5 cấp giấy chủ quyền vào ngày 23/5/1989. Sau khi Ông Đ và bà H mất, các con của Ông Đ và bà H (trừ bà X) làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế đối với căn nhà trên. Đến ngày 28/8/2008 UBND Quận 5 đã cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSDĐ đối với căn nhà 115 Ng trên cho 5 người con của Ông Đ, bà H là ông Ngh, bà Ánh, bà Nga, bà H và ông Th.

Ngày 21/11/2008 ông Th đại diện cho 4 anh em còn lại (trừ bà X) tặng ngôi nhà 115 Ng cho Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Trần Lê Thanh Th, Trần Lê Thanh T. Ngày 23/01/2009 UBND Quận 5 đã cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSDĐ đối với căn nhà 115 Ng cho bà Cẩm H, bà Thuỷ, ông T.

Bà Thuỷ cho rằng quá trình khai nhận di sản thừa kế của các con Ông Đ, bà H đã thiếu sót bà X vì bà X là con ruột của Ông Đ và bà H, nên kéo theo các giao dịch khác của ông Th đại diện các anh chị em thực hiện sẽ vô hiệu.

Bà Cẩm H và ông T thừa nhận nguồn gốc căn nhà, đất và quá trình sử dụng như nhận định trên. Tuy nhiên, bà Cẩm H và ông T không thừa nhận bà X là con ruột của Ông Đ và bà H, nên việc các con của Ông Đ, bà H đã khai nhận di sản thừa kế, cũng như việc ông Th đại diện các anh chị em mình (trừ bà X) tặng cho ngôi nhà trên cho bà H, ông T và bà Thuỷ là đúng quy định pháp luật, nên yêu cầu được chia mỗi người 1/3 căn nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Cẩm H và ông T cho rằng bà X không phải là con của Ông Đ và bà H thì thấy:

Ngày 08/7/2013, bà Ánh, bà H có giấy xác nhận thay thế khai sinh, xác nhận bà Trần Thị X là em ruột (giấy xác nhận này được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 31/7/2013).

Khi còn sống, ông Th cùng các anh chị em của ông cũng đã nhiều lần xác định bà X là con ruột của Ông Đ, bà H, cụ thể:

+ Tại văn bản thoả thuận và cam kết không ngày tháng năm) ông Th cùng ông Ngh, bà Ánh, bà Nga, bà Trần Thị H, bà X đã xác định *"chúng tôi là anh em ruột và đều là con của ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị Hai; chúng tôi là các đồng thừa kế của ông bà".* Văn bản này có đầy đủ 6 người ký (trong đó có bà X).

+ Tại giấy cam kết ngày 07/3/2007 của ông Th, có nhờ văn phòng Luật sư Đồng Đăng Thục chứng kiến, ông Th cam kết: "*ông được các anh chị em uỷ quyền trong đó có bà X, sau khi ông bán 2 căn nhà 115, 117 sẽ phải phân chia tiền bán nhà đồng đều cho 06 anh chị em có tên là Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị H, ông Trần Văn Th, bà Trần Thị X. Mỗi người được hưởng một phần đồng đều nhau. Tất cả sáu anh chị em chúng tôi có tên nêu trên là con của ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị Hai"*

Từ những chứng cứ trên, có đủ cơ sở để xác định bà Trần Thị X là con ruột của Ông Đ, bà X. Do đó, việc bà H và ông T không thừa nhận bà X là con của Ông Đ, bà H là không có căn cứ để xem xét. Nên việc toà án cấp sơ thẩm xác định bà X là người thừa kế của Ông Đ và bà H là có căn cứ.

Do bà X là con của Ông Đ bà H, nên ngày 03/4/2008 ông Th đã lập văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với căn nhà và đất tại số 115 Ng. Tại văn bản này, ông Th hành động cá nhân đồng thời đại diện cho 04 anh chị em là Trần Văn Ng, Trần Thị Á, Trần Thị H, Trần Thị Ng theo các văn bản uỷ quyền lập tại San Francisco, Hoa Kỳ đã được hợp pháp hoá lãnh sự và đã được chứng nhận thụ uỷ ngày 10/01/2008 và ngày 03/4/2008 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Th xác định những người thừa kế của Ông Đ, bà H gồm có ông Th, ông Ngh, bà Nga, bà Ánh, bà H.

Như vậy, ông Th đã bỏ sót tên bà Trần Thị X trong danh sách những người thừa kế của Ông Đ, bà H khi khai nhận di sản thừa kế của Ông Đ và bà H. Do ông Th đã kê khai bỏ sót bà Trần Thị X là người thừa kế hợp pháp tài sản của Ông Đ, bà H nên toàn bộ quá trình được công nhận quyền sở hữu và tặng

cho nhà đất số 115 Ng giữa ông Th với bà Cẩm H, bà Thuỷ, ông T đều không hợp pháp. Nên toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thuỷ và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Toà án cấp sơ thẩm xác định căn nhà 115 Ng là tài sản chung của các đồng thừa kế bao gồm: ông Trần Văn Ng, ông Trần Văn Th, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị H, bà Trần Thị X là có căn cứ. Điều này đồng nghĩa với việc bà H cho rằng đây là tài sản chung của bà H, ông T, bà Thuỷ là không có căn cứ. Nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Do xác định căn nhà và đất số 115 Ng là tài sản chung, nên Toà án cấp sơ thẩm chia đều cho các đồng sở hữu trong đó phần của ông Th được chia là 1/6 giá trị căn nhà và bà H, bà Thuỷ, ông T là người thừa kế của ông Th, nên mỗi người được chia 1/3 trong kỷ phần thừa kế của ông Th (1/6 giá trị căn nhà) là có căn cứ (bà Cẩm H, bà Th, ông T mỗi người được chia 1/18 giá trị căn nhà). Ngoài ra, toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận sự tự nguyện của bà Ánh, bà X, bà H cho lại phần giá trị tài sản mà các bà được hưởng trong khối tài sản trên cho bà Thuỷ là có căn cứ. Cho nên yêu cầu kháng cáo của bà Cẩm H và ông T mỗi người được hưởng 1/3 giá trị căn nhà trên là không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà Th, bà H và ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng do bà H sinh năm 1958 nên áp dụng Nghị quyết 326 miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà H.

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308 ; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của Bà Trần Lê Thanh Th.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Cẩm H.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Lê Thanh T

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 34, khoản 1, 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 207, Điều 208, khoản 2 Điều 468, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Lê Thanh Th và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, Trần Thị Á, Trần Thị X về việc:

- Hủy Hợp đồng tặng cho nhà số 039311 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 21/11/2008 giữa ông Trần Văn Th với Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 124/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho Bà Trần Lê Thanh Th, Bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ông Trần Lê Thanh T đối với nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định nhà đất tại số 115 Ng, Phường 2, Quận 5 là tài sản chung của các đồng thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H bao gồm ông Trần Văn Th, ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ng và bà Trần Thị X. Do ông Th đã chết nên phần tài sản của ông Th thuộc sở hữu của những người thừa kế hợp pháp của ông Th là Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Bà Trần Lê Thanh Th, Ông Trần Lê Thanh T.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Cẩm Hồng về việc được phân chia 1/3 giá trị tài sản của nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc phân chia tài sản đối với nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản là nhà đất số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được phân chia với tỷ lệ cụ thể như sau:

+ Ông Trần Văn Th, ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ng và bà Trần Thị X mỗi người được hưởng 1/6 giá trị tài sản;

+ Do ông Th đã chết nên phần ông Th được chia đều cho những người thừa kế hợp pháp của ông Th là Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Bà Trần Lê Thanh Th, Ông Trần Lê Thanh T. Cụ thể bà Cẩm H, bà Th, ông T mỗi người được hưởng 1/18 giá trị tài sản.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi, liên quan là bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H và bà Trần Thị X đồng ý cho Bà Trần Lê Thanh Th toàn bộ phần giá trị tài sản mà các bà được hưởng trong nhà đất trên.

Tổng cộng Bà Trần Lê Thanh Th được hưởng 5/9 giá trị tài sản.

4. Giao cho Bà Trần Lê Thanh Th được toàn quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất tại số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Th có trách nhiệm giao trả cho ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Ng mỗi người 1/6 giá trị nhà đất; giao trả cho Bà Nguyễn Thị Cẩm H, Ông Trần Lê Thanh T mỗi người 1/18 giá trị nhà đất.

Sau khi bà Th đã giao đủ tiền cho những người có tên nêu trên thì Ông Trần Lê Thanh T, bà Lưu Uyển B cùng hai con là Trần Gia K, Trần Gia Nh phải có trách nhiệm di dời đồ đạc, dọn ra khỏi nhà để giao trả nhà cho bà Th.

Thời hạn để các bên thực hiện việc giao nhận tiền và trả nhà là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi thực hiện xong trách nhiệm giao trả tiền, bà Th được liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục được đứng tên sở hữu hoàn toàn căn nhà và đất tại số 115 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sau thời hạn 06 (sáu) tháng, bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm trả tiền thì những người còn lại có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để được hưởng phần giá trị tài sản theo quyết định của Tòa án, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với các yêu cầu sau do phía nguyên đơn và bị đơn đã rút yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia tài sản là chiếc xe ôtô biển số 52F-8411;

- Các yêu cầu của bị đơn về việc: chia tài sản là chiếc xe ô tô mang biển số 52F – 8411; hủy hợp đồng mà bà Th cho thuê xe ôtô; chia tài sản là nhà đất tại số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh; Hủy hợp đồng tặng cho nhà số 042247 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận ngày 22/11/2007 và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 117/2009/UB.GCN ngày 23/01/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp đối với căn nhà số 117 Ng, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bà Th phải trả cho bà Cẩm H số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng là tiền thu nhập từ việc cho thuê xe ôtô và 69.921.659 (Sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng là tiền bà đã ứng ra để trả nợ vay Ngân hàng khi mua chiếc xe nêu trên.

6. Do Bà Nguyễn Thị Cẩm H đã rút yêu cầu phản tố về việc phân chia tài sản đối với nhà đất tại số 117 Ng, Phường 2, Quận 5 nên cần hủy bỏ Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 39/2014/QĐ-TĐBPKCTT ngày 29/7/2014 của TAND TP.HCM, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản của bà Cẩm H với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tại Ngân hàng TMCP phát triển TP.HCM - Chi nhánh Sài Gòn, số tài khoản 045704070015529. Đồng thời giải

tỏa việc phong tỏa tài khoản của Bà Trần Lê Thanh Th với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, số tài khoản 670704040002219; trả lại cho bà Th một bản chính Sổ tiết kiệm không kỳ hạn số AK 10114801 ngày 28/07/2014, số tài khoản 670704040002219 đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án (Bút lục 867).

7. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí:

+ Bà Trần Thị Á, bà Trần Thị H, bà Trần Thị X, Bà Nguyễn Thị Cẩm H đều đủ 60 tuổi trở lên và có đơn xin được miễn nộp án phí, TƯAP gửi đến Tòa án, nên căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 thì các ông bà trên được miễn nộp tiền TƯAP và án phí.

Trả lại cho bà Ánh, bà X, bà Trần Thị H số tiền TƯAP mà mỗi người đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 09477, 09478, 09479 ngày 27/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho bà Cẩm H tổng số tiền TƯAP đã nộp là 70.365.297 (Bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi bảy) đồng theo các Biên lai thu số 01424 ngày 29/8/2012 số tiền 41.715.297 (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm mười lăm nghìn hai trăm chín mươi bảy) đồng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Biên lai thu số 01570 ngày 26/10/2012 số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Biên lai thu số 07417 ngày 06/9/2014 số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Biên lai thu số 07695 ngày 21/10/2014 số tiền 28.250.000 (Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Lê Thanh T phải nộp án phí là 65.531.550 (Sáu mươi lăm triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi) đồng.

Ông Trần Văn Ng, bà Trần Thị Ng mỗi người phải nộp án phí là 113.353.155 (Một trăm mười ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng.

Bà Trần Lê Thanh Th phải nộp án phí là 125.844.000 (Một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 59.075.000 (Năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 01185 ngày 04/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5. Bà Th còn phải nộp 66.769.000 (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn) đồng tiền án phí.

- Các chi phí tố tụng khác bao gồm chi phí định giá, ủy thác tư pháp, phía nguyên đơn và bị đơn xác định tự nguyện chịu nên HĐXX không đề cập.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H được miễn án phí.

Bà Trần Lê Thanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0045828 ngày 12/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0045831 ngày 12/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND thành phố Hồ Chí Minh (1);
– VKSND thành phố Hồ Chí Minh (1);
– Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh (1);
– Các đương sự (18);
– Lưu: hồ sơ (3),VP(3),29b (MTTT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên